

Bản án số: 46/2024/DS-PT

Ngày 16/5/2024

"V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Hiệu và ông Nguyễn Văn Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2024/TLPT-DS

ngày 18/3/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc", do
bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST

ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng bị kháng cáo; Theo
Quy định đưa vụ án xét xử phúc thẩm số 38/2024/QĐXX-PT

ngày 11/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐPT-DS ngày 09/5/2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1971; Địa chỉ: thôn Đ, xã N, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

2. **Bị đơn:** Thôn M, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương. **Người đại diện:** Ông Vũ Công U, sinh năm 1959. Chức vụ: Trưởng thôn M (có mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954; Địa chỉ: thôn Mỹ Ngọc, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (có mặt).

3.2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn Mỹ Ngọc, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (có mặt).

3.3. Ông Nguyễn Văn K; Địa chỉ: thôn Mỹ Ngọc, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

3.4. Ông Nguyễn Văn Q, sinhnăm 1963;Địa chỉ: thônMỹ Ngọc, xã Ngọc Liên, huyệnCẩmGiăng, tỉnh Hải Dương(*vắngmặt*).

3.5. Ông Nguyễn Văn T, sinhnăm 1965;Địa chỉ: thônMỹ Ngọc, xã Ngọc Liên, huyệnCẩmGiăng, tỉnh Hải Dương(*cómặt*).

3.6. Ông Nguyễn Văn C, sinhnăm 1969;Địa chỉ: thônMỹ Ngọc, xã Ngọc Liên, huyệnCẩmGiăng, tỉnh Hải Dương(*cómặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Anh M là thợ xây và làm chùa cho các địa phương. Năm 2015, anh biết thôn Mỹ Vọng cũ (nay là thôn Mỹ Ngọc) có mở thầu xây dựng chùa, anh tham gia đấu thầu xây dựng chùa thôn Mỹ Vọng vào năm 2015. Ngày 07/6/2015, anh M đặt cọc 50.000.000đồng cho thôn. Anh M và thôn Mỹ Ngọc thỏa thuận, số tiền 50.000.000đồng thôn sẽ trả lại cho khi đổ móng chùa xong. Từ năm 2015, sau khi anh M ký hợp đồng đặt cọc xong, dự án xây dựng chùa của thôn không thực hiện được, nguyên nhân là do dự án không được UBND huyện Cẩm Giăng thông qua. Anh M đã nhiều lần yêu cầu thôn Mỹ Ngọc trả lại 50.000.000 đồng đặt cọc nêu trên nhưng không được chấp nhận. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giải Q buộc thôn Mỹ Ngọc phải trả lại 50.000.000đồng đặt cọc và tiền phạt cọc là 34.875.000đồng. Đến ngày 01/12/2023 anh M tự nguyện rút yêu cầu phạt cọc là 34.875.000đồng.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Vũ Công U trình bày: Thôn Mỹ Vọng và thôn Ngọc Kha sáp nhập từ năm 2019. Sau khi sáp nhập thì tên chung của hai thôn là thôn Mỹ Ngọc và ông được bầu làm trưởng thôn. Hai thôn sáp nhập làm một thôn nhưng chỉ là sáp nhập về mặt hành chính, còn những khoản kinh phí đóng góp và quỹ của hai thôn không sáp nhập. Quỹ thôn Mỹ Vọng cũ vẫn do phó thôn là ông T quản lý và sử dụng cho thôn Mỹ Vọng cũ. Do không được bàn giao kinh tế nên ông không nắm được khoản tiền đặt cọc 50.000.000đồng mà anh M khởi kiện. Tuy nhiên, sự kiện xây dựng chùa thôn Mỹ Vọng ông cũng nắm được dự án nhưng cụ thể xây dựng như thế nào, nguồn tiền để xây dựng ông không nắm rõ. Nay, anh M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc thôn Mỹ Ngọc phải trả lại số tiền gốc 50.000.000đồng và tiền phạt cọc là tiền lãi 34.875.000đồng, đến ngày 01/12/2023 anh M tự nguyện xin rút tiền phạt cọc, ông không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải Q làm sao đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông làm trưởng thôn thời gian từ năm 2003 đến năm 2015. Thời gian này thôn Mỹ Vọng có dự án xây dựng chùa, năm

2015 thôn tổ chức đấu thầu công khai, anh Nguyễn Văn M trúng thầu. Ông làm trưởng thôn nên đã yêu cầu anh M đặt cọc số tiền 50.000.000đồng. Số tiền này thôn sẽ trả lại cho anh M, sau khi xây dựng xong móng của ngôi chùa. Khi bàn giao tiền đặt cọc hai bên có thiết lập giấy biên nhận, ông C thời kỳ đó là thủ quỹ của thôn trực tiếp nhận tiền. Sau khi nhận tiền xong, thôn không xin được giấy phép của UBND huyện về việc xây dựng chùa nên dự án không thực hiện được. Thời kỳ đó ông đã nghỉ chức trưởng thôn nên không có thẩm quyền bàn giao trả anh M số tiền trên. Nay anh M khởi kiện, ông hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án buộc thôn Mỹ Ngọc phải bàn giao trả cho anh M số tiền trên. Ông bàn giao số tiền này cho ông N và hiện nay ông Nguyễn Văn T là người đang quản lý số tiền này.

+ Ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông làm phó thôn kiêm thủ quỹ của thôn Mỹ Vọng cũ thời kỳ 2011 – 2015. Về dự án xây dựng chùa thôn Mỹ Vọng là có thật. Việc ông M trúng thầu, ngày 07/6/2015 đã đặt cọc xây dựng chùa 50.000.000đồng là đúng, ông là người nhận tiền. Sau khi ông hết nhiệm kỳ, ông không giữ tiền nữa mà tiến hành bàn giao số tiền 50.000.000đồng cho ông Nguyễn Văn Nụ vào ngày 20/12/2015. Ông Nụ tiếp tục bàn giao lại cho ông H, sau đó ông H bàn giao cho ông N số tiền này. Khi bàn giao đều có biên bản bàn giao, có đủ chữ ký của người giao và người nhận. Hiện nay, ông được biết số tiền trên do ông T trực tiếp quản lý.

+ Ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông làm trưởng thôn thời gian ngắn từ tháng 01/2016 đến tháng 6/2016. Đối với dự án xây dựng chùa thôn Mỹ Vọng vào năm 2015, ông có được biết. Sự việc này được bàn bạc thống nhất trong thôn, đồng thời được sự nhất trí cao từ phía nhân dân. Ông M trúng thầu và đặt cọc số tiền 50.000.000đồng là có thật. Đầu năm 2016 ông nhận số tiền 50.000.000 đồng này từ ông H, sau đó ông đem số tiền trên gửi Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh huyện Cẩm Giàng. Đến ngày 22/10/2016 ông đã bàn giao số tiền này cho ông K, khi bàn giao có lập biên bản bàn giao, thực tế không bàn giao tiền mặt mà bàn giao sổ tiết kiệm. Đến ngày 18/01/2018 ông không trúng vào ban chi ủy của thôn nên ông cùng ông H, ông K xuống Ngân hàng rút toàn bộ 91.466.000đồng, trong đó có 50.000.000đồng tiền đặt cọc và giao cho ông K.

+ Ông Nguyễn Văn K trình bày: Ông làm trưởng thôn từ năm 2016 đến năm 2019. Tuy nhiên đến năm 2018 ông H và ông N mới tiến hành bàn giao sổ tiết kiệm cho ông, trong đó có ghi số tiền 50.000.000đồng là tiền đặt cọc xây dựng chùa. Ông chỉ nhận số tiền trên chứ không biết nội dung của hợp đồng đặt cọc cụ thể như thế nào. Khi ông nghỉ làm trưởng thôn, ông đã bàn giao số tiền đặt cọc xây dựng chùa là 50.000.000đồng. Việc bàn giao kèm theo biên bản lập

ngày 07/10/2019, người nhận bàn giao là ông Nguyễn Văn Q và ông Nguyễn Văn T.

+ Ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông làm trưởng thôn năm 2019, sau khi hai thôn Mỹ Vọng và thôn Ngọc Kha sáp nhập. Ông làm trưởng thôn thời gian ngắn là 01 tháng 20 ngày. Khi bàn giao cơ sở vật chất và kinh phí thì số tiền 50.000.000đồng là tiền đặt cọc xây dựng chùa có được bàn giao. Ông có ký vào biên bản bàn giao nhưng thực tế người quản lý số tiền này là ông Nguyễn Văn T.

+ Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông làm phó thôn Mỹ Ngọc từ năm 2020 đến nay. Năm 2019 thôn Mỹ Vọng và thôn Ngọc Kha sáp nhập thành thôn Mỹ Ngọc. Ông Vũ Công U là trưởng thôn, ông là phó thôn. Việc sáp nhập giữa hai thôn là thủ tục hành chính còn tài chính giữa hai thôn vẫn riêng biệt, ông là phó thôn và thủ quỹ của thôn, mọi hoạt động thu chi của thôn ông đều quản lý. Số tiền đặt cọc 50.000.000đồng ông là người quản lý, khi nhận số tiền này có biên bản bàn giao đầy đủ. Nay ông M khởi kiện yêu cầu thôn Mỹ Ngọc hoàn trả cho ông M số tiền này, ông xác định ông quản lý số tiền trên, ông sẽ trả cho ông M khi Tòa án cùng chính quyền địa phương họp thôn và được sự đồng ý của nhân dân thôn Mỹ Vọng cũ thì ông sẽ trả. Nếu chưa họp dân để Q định vấn đề này thì ông không đồng ý trả lại, đề nghị Tòa án giải Q theo quy định của pháp luật.

Đại diện UBND xã Ngọc Liên trình bày: Về dự án xây dựng chùa thôn Mỹ Vọng cũ là có thật, tuy nhiên kế hoạch xây dựng, kinh phí xây dựng là do thôn chủ động, UBND xã không can thiệp vì đây là nguồn kinh phí chủ động của dân. Thôn Mỹ Vọng cũng báo cáo và xin ý kiến từ UBND xã nhưng UBND xã cũng đã hướng dẫn UBND xã trực tiếp báo cáo chương trình xây dựng lên UBND huyện Cẩm Giàng để xin ý kiến chỉ đạo. Đối với việc tổ chức đấu thầu xây dựng chùa, thôn chủ động làm và nhận tiền đặt cọc từ chủ đầu tư, UBND xã không nắm được. Sau này, có đơn khởi kiện, tố cáo của anh M, UBND xã đã tiến hành hòa giải, ông T thừa nhận số tiền đặt cọc 50.000.000đồng hiện nay ông đang quản lý nhưng ông phải họp dân để dân Q định có trả lại số tiền này cho anh M hay không. Nay anh M khởi kiện thôn Mỹ Ngọc, UBND xã không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải Q yêu cầu khởi kiện của anh M theo quy định của pháp luật.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 09/01/2024, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng:*Căn cứ: Áp dụng: Điều 101; Điều 116; Điều 117; Điều 328; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 244; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền phạt cọc là tiền lãi 34.875.000 đồng

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc thôn Mỹ Ngọc, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Nguyễn Văn M số tiền 50.000.000 đồng. (Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965. Địa chỉ: thôn Mỹ Ngọc, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đang quản lý số tiền 50.000.000 đồng nên ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trực tiếp giao trả cho anh Nguyễn Văn M).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 30/01/2024, ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. *Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm, không buộc công Tlàng người trực tiếp phải trả anh Nguyễn Văn M số tiền 50.000.000 đồng vì ông T không thể thực hiện được, bởi lẽ vì qua nhiều lần họp dân, nhân dân trong thôn yêu cầu ông H phải có trách nhiệm chứng minh được số tiền 50.000.000 đồng anh M đặt cọc xây chùa năm 2015 có được đưa vào quỹ của thôn hay không, nếu ông T tự động trả anh M tiền đặt cọc thì ông phải bồi thường ra trả.*

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện K sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có kháng cáo) chấp hành đúng quy định về quyền nghĩa vụ quy định về việc có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Về đường lối giải quyết vụ án: Giữ nguyên bản án sơ thẩm; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T để sửa lại cách tuyên án của cấp sơ thẩm cho chính xác; Về án phí phúc thẩm:

Ông T không phải chi tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Ông T giữ nguyên nội dung kháng cáo, *đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1].Kháng cáo của ông Nguyễn Văn Tđược làm trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên là kháng cáo hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2].Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập (niêm yết) hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Q định xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn T: ĐềnghịTòaáncápphúcthảmsửáánsỏthảmkhôngbuộccôngTlàngườiphảitrảanhNguyễn VănMsổtiền 50.000.000 đồngvìôngkhôngthểthựcchiệndược, bởilênhândântrongthônycầuongHphảicótráchnhiệmcứngminhđượcsổtiền 50.000.000 đồnganhMđặtcọcxâychùanăm 2015 cóđượcdravàoquỹcủathônhaykhông,nếuongTtựđộngtrảanhMtiềnthìôngphảibỏtiềncánhân radểtrả. Hộiđồngxétxửthấyrằng:

[2.1] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai xác nhận của các công nguyên trưởng thôn, phó thôn Mỹ Vọng cũ, đến năm 2019 sáp nhập với thôn Mỹ Khathànhthôn mới Mỹ Ngọc (qua cách thời kỳ từ năm 2015 đến nay), trình bày của đại diện UBND xã Ngọc Liên, trình bày của đại diện trưởng thôn Mỹ Ngọc hiện nay (ông U), Giấy biên nhận ngày 07/6/2015 về việc anh M đã bàn giao 50.000.000 đồng đặt cọc xây chùa cho ông H và ông C (đại diện cho thôn Mỹ Vọng cũ) thì có căn cứ xác định có việc nguyên đơn (anh M) đã đặt cọc tiền cho thôn Mỹ Vọng (cũ) để được trúng thầu ký hợp đồng xây chùa của thôn Mỹ Vọng (cũ) vào năm 2015. Việc thôn Mỹ Vọng (cũ) giao kết hợp đồng đặt cọc và nhận số tiền cọc trên của anh M là sự tự nguyện của cả hai bên, hợp đồng đặt cọc đảm bảo đúng quy định của pháp luật dân sự và đảm bảo tư cách chủ thể tham gia giao dịch dân sự, vì anh M là công dân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có nghề xây dựng trong thực tế, thôn Mỹ Vọng (cũ) đảm bảo tư cách chủ thể tham gia giao dịch dân sự theo quy định tại Thông tư số 04/2012/TT- BNV ngày 31/8/2012 của Bộ nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân số và theo Q định số 18/2019/QĐ- UBND ngày 30/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương hướng dẫn quy chế và hoạt động của thôn, khu dân cư.

[2.2]. Đối với số tiền nguyên đơn đặt cọc cho thôn Mỹ Vọng (cũ), qua lời khai của ông Nguyễn Văn T (BL: 88- 89); lời khai xác nhận của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án; biên bản bàn giao tiền (BL: 67- 69) thấy có đủ căn cứ xác định 50.000.000 đồng do anh M đặt cọc được Thôn Mỹ Vọng (cũ) quản lý từ năm 2015 đến thời điểm thôn Mỹ Vọng được sáp nhập với thôn Ngọc Kha (năm 2019). Sau khi sáp nhập 02 thôn thành thôn Mỹ Ngọc thì số tiền 50.000.000 đồng này do ông Nguyễn Văn T là thủ quỹ, phó thôn Mỹ

Ngọc đang quản lý.

[2.3]. Việc anh M không được ký hợp đồng xây chùa cho thôn sau khi đặt cọc tiền đã được các đương sự và đại diện UBND xã Ngọc Liên xác thực là khách quan, do thôn không được cấp phép xây dựng chùa theo quy định. Do anh M không có lỗi trong việc chùa thôn không được xây dựng nên trách nhiệm của thôn Mỹ Ngọc (bên ký tham gia giao kết hợp đồng đặt cọc, nhận tiền đặt cọc) phải hoàn trả lại 50.000.000 đồng tiền cọc cho anh M là đúng pháp luật.

[2.4]. Việc án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc thôn Mỹ Ngọc phải trả lại tiền đặt cọc 50.000.000 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc ông Nguyễn Văn T là người đang trực tiếp quản lý số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng là đúng nhưng tuyên ông T có trách nhiệm trả cho anh M 50.000.000 đồng là không cần thiết vì nội dung này thuộc lĩnh vực thi hành án dân sự. Do đó, HĐXX thấy cần sửa lại cách tuyên của bản án sơ thẩm cho phù hợp.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do sửa lại cách tuyên của án cấp sơ thẩm nên ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại ông T 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm.

[4] Các Q định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 01/2024/DS-ST ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2. Căn cứ Điều 101; Điều 116; Điều 117; Điều 328; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự. Điều 26; Điều 35; Điều 244; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M.

2.2. Buộc thôn Mỹ Ngọc, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Nguyễn Văn M số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại ông Nguyễn Văn T 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0000088 ngày 27/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng.

3. Các Q định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 16/5/2024)

Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- Lưu HS; lưu toà.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Anh Tuyết

